TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2023/DS-PT
Ngày: 17-5-2023
V/v tranh chấp: "Quyền sử dụng đất, hủy quyết định hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất, hủy quyết định hành chính".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 506/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Phan Thị S, sinh năm 1940 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Phạm Chí T, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3. Phạm Thị Bé H, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

4. Phạm Ngọc K, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

5. Phạm Thị T1, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

6. Phạm Thu T2, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị H1, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Phạm Trọng Đ, sinh năm 1978 (theo Văn bản ủy quyền ngày 21/7/2020) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Thị Tường D, sinh năm 1966;

2. Phạm Trọng C, sinh năm 1967;

3. Phạm Trọng C1, sinh năm 1969;

4. Phạm Trọng N, sinh năm 1974;

5. Phạm Trọng Đ, sinh năm 1978;

6. Phạm Nguyễn Thị Tường A, sinh năm 1983;

7. Phạm Văn Triệu V, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

8. Phạm Thị Tường L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Phạm Thị Tường D, Phạm Trọng C, Phạm Trọng C1, Phạm Trọng N, Phạm Nguyễn Thị Tường A, Phạm Văn Triệu V và Phạm Thị Tường L: Phạm Trọng Đ, sinh năm 1978 (theo Giấy ủy quyền ngày 05/5/2023 và 08/5/2023) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

9. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ trụ sở: Đường T, phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Địa diện theo pháp luật: Ông Giản Bá H2 – Chủ tịch (vắng mặt).

10. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ trụ sở: Đường H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn P – Giám đốc (vắng mặt).

11. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ trụ sở: Đường N, khu phố H, phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Phương L1 – Chi cục trưởng (vắng mặt);

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Phan Thị S, Phạm Chí T, Phạm Thị Bé H, Phạm Ngọc K, Phạm Thị T1 và Phạm Thu T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

****** *Nguyên đơn cụ Phan Thị S, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Ngọc K (cụ S, ông T, bà Bé H và ông K ủy quyền cho bà Trần Thị Kim P1), bà Phạm Thị T1 và bà Phạm Thu T2 thống nhất trình bày:*

Cha của bà Bé H, bà T1, ông K, bà T2, ông T là cụ Phạm Văn M (cụ M chết năm 2013); mẹ là cụ Phan Thị S.

Nguồn gốc đất tranh chấp thửa 760, 761, 762 là của ông bà nội các ông bà cho cụ M và cụ S sử dụng chung từ trước năm 1975, sau năm 1975 thì chia cụ thể cho cụ M.

Ngày 07/9/1997, hộ cụ M được Ủy ban nhân dân huyện G1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00216/NC.QSDĐ với diện tích 27.206m^2 trong đó: thửa 2293, diện tích 1.266m^2, đất 2L và thửa 2294, diện tích 140m^2, đất ao cá. Thửa 2293 nay là thửa 628 và thửa 2294 nay là thửa 629.

Đối với thửa 2295 là của cụ M, cụ Y tự đăng ký kê khai mà không được sự đồng ý của cụ M.

Cả 03 thửa đất này giáp ranh với đất của cụ Y. Quá trình sử dụng đất, cụ H1, cụ Y lấn chiếm 03 thửa này với diện tích 1.207m^2, gia đình cụ S phát hiện vào năm 2011 và khởi kiện đến Ủy ban nhân dân xã B, Tòa án nhiều lần nhiều năm liền.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc hộ cụ H1 trả phần đất lấn chiếm này với diện tích 1.207m^2. Địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã B, thị xã G. Phần công trình nếu cụ H1 có lấn chiếm thì phải tháo dỡ, di dời ra khỏi đất.

- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tính khách quan đúng pháp luật của Quyết định số 652/QĐ/UB ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị xã G về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ M;

- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Quyết định số 07/QĐ-CCTHA ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06604 với diện tích 140m^2 đất nuôi trồng thủy sản đối với số thửa là 628 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/10/2019 cho cụ Nguyễn Thị H1;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06606 với diện tích 1.271,6m^2 đất chuyên trồng lúa nước đối với số thửa là 629 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/10/2019 cho cụ Nguyễn Thị H1;

- Đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị với Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Phạm Văn M nêu trên.

- Tất cả thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Không yêu cầu cụ H1 trả phần đất hiện có căn nhà của anh Đức với diện tích 216m^2.

Yêu cầu như vậy với các căn cứ sau:

- Nguồn gốc đất tranh chấp là của hộ cụ M;

- Hộ cụ M và cụ S hoàn toàn không biết gì về việc bị cưỡng chế thi hành án bởi vì họ không được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G tống đạt các văn bản liên quan đến việc thi hành án;

- Việc Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G niêm yết các văn bản liên quan đến thi hành án thể hiện nội dung là không có mặt tại địa phương là không đúng bởi vì mọi thành viên trong hộ cụ M đều cư trú, sinh sống, làm việc tại xã B;

- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G thi hành Bản án nhưng trong quá trình thi hành án thì quyền sử dụng đất đang bị tranh chấp là vi phạm quy định của pháp luật. Đất này gia đình cụ M đã tranh chấp với hộ cụ H1 từ năm 2011;

- Trong Bản án dân sự phúc thẩm không có chỗ nào đề cập đến thửa 2294 mà Chi cục Thi hành án lại cưỡng chế, đấu giá thi hành;

- Hồ sơ thi hành án không có bất kỳ văn bản nào thể hiện đã tiến hành đấu giá 03 lần.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Trọng Đ, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cụ Nguyễn Thị H1 trình bày*:

Thửa 2293 có nguồn gốc là của gia đình ông mua của hộ cụ M vào năm 1998 và 1999 với giá 03 chỉ vàng 24Kara, hộ cụ M không tiếp tục thực hiện hợp đồng nên gia đình ông khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền đã giao là 57.000.000 đồng, việc này được Tòa án phúc thẩm xét xử bằng bản án. Khi án có hiệu lực pháp luật, phía cụ S không thi hành nên bị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G cưỡng chế bán đấu giá thửa 2293 và 2294, cụ H1 là người được nhận tài sản đấu giá. Thửa 2295 là thửa có căn nhà của ông, thửa này cha ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997; thửa này cha mẹ ông sử dụng từ trước khi ông sinh ra cho đến nay, khi cụ M còn sống cụ cũng không ý kiến gì.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý vì đất gia đình ông đã được cấp hợp lệ; phía nguyên đơn căn cứ vào đâu mà cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất. Từ năm 1997 đến 2011 nếu cho rằng gia đình ông chiếm đất thửa 2295 thì tại sao không khởi kiện. Ngày Chi cục Thi hành án cưỡng chế, đo đạc đất để thi hành; gia đình cụ S có mặt bà T2, bà Bé H chứng kiến và cũng không biết đất của gia đình bà ranh giới tới đâu để chỉ ranh thì việc họ cho rằng gia đình ông chiếm đất là không có căn cứ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã G trình bày:*

Không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G trình bày:*

Trong quá trình thi hành án, hộ cụ M không tự nguyện thi hành nên Chi cục đã kê biên, xử lý tài sản là quyền sử dụng đất thửa 2293 và 2294 cùng toàn bộ cây trồng trên đất. Tài sản trên trải qua 03 lần đấu giá công khai nhưng không có người đăng ký mua và cụ H1 đồng ý nhận tài sản kê biên với giá 62.004.600 đồng để trừ vào số tiền được thi hành án. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Chi cục Thi hành án không thống nhất.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các điều 5, 26, 35, 92, 147, 157, 158, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 15 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 4, 9, 10, 11, 49 và Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 24 Điều 3 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính; Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K về việc:

- Buộc cụ Nguyễn Thị H1 trả cho cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K phần đất ONT + cây lâu năm diện tích 904m^2, thửa 2295, tờ bản đồ BĐ – C1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06604 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01 tháng 6 năm 2015 cho cụ Nguyễn Thị H1 đứng tên.

- Buộc cụ Nguyễn Thị H1 trả cho cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K phần đất ONT + cây lâu năm diện tích 288m^2, thửa 760, tờ bản đồ BĐ – C1.

Địa chỉ các thửa đất tại ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo như sơ đồ đo đạc đất mà cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K yêu cầu đo đạc.

- Đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị với Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00216/NC.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G1, Tiền Giang cấp ngày 07 tháng 9 năm 1997 cho hộ cụ Phạm Văn M.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 11/01/2023, các nguyên đơn cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Nguồn gốc thửa 628 (thửa cũ là 2293) và thửa 629 (thửa cũ là 2294) mà cụ H1 được cấp là do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G thi hành theo Bản án dân sự phúc thẩm số 550/2012/DS-PT ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc buộc hộ cụ M trả cho cụ H1 số tiền 59.388.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện cho rằng bị đơn lấn chiếm hai thửa 2293, 2294 là không có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu cụ H1 trả lại cho các đồng nguyên đơn phần đất lấn chiếm sau khi được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G hòa giải là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất theo khoản 24 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013; hủy Quyết định hành chính theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính là đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cụ Phan Thị S, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, đại diện Ủy ban nhân dân thị xã G, đại diện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G vắng mặt nên căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cụ S, bà T2, ông K, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, đại diện Ủy ban nhân dân thị xã G, đại diện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

[4] Đơn kháng cáo của các nguyên đơn cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1 có ý kiến rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; các nguyên đơn cụ Phan Thị S, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K không có mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Phạm Trọng Đ không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của bà

Bé H, ông T, bà T1. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về nội dung kháng cáo: Ngày 11/01/2023, các nguyên đơn cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn: Ngày 01/6/2015, cụ H1 được Ủy ban nhân dân thị xã G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03924 với diện tích 18.882m^2 gồm các thửa: 2295, 2296, 2477, 2483.

Ngày 17/10/2019, cụ H1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06604 với diện tích 140m^2 đất nuôi trồng thủy sản số thửa là 628, thửa cũ là thửa 2294.

Ngày 17/10/2019, cụ H1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06606 với diện tích 1.271,6m^2 đất chuyên trồng lúa nước số thửa là 629, thửa cũ 2293.

Nguồn gốc thửa 628 (thửa cũ là 2293) và thửa 629 (thửa cũ là 2294) mà cụ H1 được cấp là do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G thi hành theo Bản án dân sự phúc thẩm số 550/2012/DS-PT ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc buộc hộ cụ M trả cho cụ H1 số tiền 59.388.000 đồng. Do hộ cụ M không tự nguyện thi hành nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G đã kê biên, xử lý tài sản là quyền sử dụng đất thửa 2293 và 2294 cùng toàn bộ cây trồng trên đất. Tài sản trên trải qua 03 lần đấu giá công khai nhưng không có người đăng ký mua và cụ H1 đồng ý nhận tài sản kê biên với giá 62.004.600 đồng để trừ vào số tiền được thi hành án. Do đó ngày 06/8/2018 Cơ quan thi hành án có Quyết định số 07 giao tài sản là hai thửa đất 2293, 2294 cho cụ H1.

Ngày 17/10/2019, cụ H1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 628 (thửa cũ là 2293) và thửa 629 (thửa cũ là 2294). Ngày 29/5/2020 các nguyên đơn khởi kiện cho rằng: Ngày 07/9/1997, hộ cụ M được Ủy ban nhân dân huyện G1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00216/NC.QSDĐ với diện tích 27.206m^2 trong đó: thửa 2293, diện tích 1.266m^2, đất 2L và thửa 2294, diện tích 140m^2, đất ao cá. Thửa 2293 nay là thửa 628 và thửa 2294 nay là thửa 629. Đối với thửa 2295 là của cụ M, cụ Y tự đăng ký kê khai mà không được sự đồng ý của cụ M. Cả 03 thửa đất này giáp ranh với đất của cụ Y. Quá trình sử dụng đất, cụ H1, cụ Y lấn chiếm 03 thửa này với diện tích 1.207m^2, gia đình cụ S phát hiện vào năm 2011 và khởi kiện đến Ủy ban nhân dân xã B, Tòa án nhiều lần nhiều năm liền.

Thời điểm khởi kiện, các nguyên đơn đã không còn quyền sở hữu đối với hai thửa đất 2293, 2294; do đó việc các nguyên đơn khởi kiện cho rằng bị đơn lấn chiếm hai thửa 2293, 2294 cấp vào thửa 2295 là không có căn cứ. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Các nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn.

[8] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Các nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ các điều 5, 26, 35, 92, 147, 157, 158, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 15 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 4, 9, 10, 11, 49 và Điều 50 Luật Đất đai năm 2003;

- Căn cứ khoản 24 Điều 3 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K về việc:

- Buộc cụ Nguyễn Thị H1 trả cho cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K phần đất ONT + cây lâu năm diện tích 904m^2, thửa 2295, tờ bản đồ BĐ – C1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06604 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01 tháng 6 năm 2015 cho cụ Nguyễn Thị H1 đứng tên;

- Buộc cụ Nguyễn Thị H1 trả cho cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K phần đất ONT + cây lâu năm diện tích 288m^2, thửa 760, tờ bản đồ BĐ – C1.

Địa chỉ các thửa đất: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo như sơ đồ đo đạc đất mà cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K yêu cầu đo đạc.

- Đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị với Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00216/NC.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G1, Tiền Giang cấp ngày 07 tháng 9 năm 1997 cho hộ cụ Phạm Văn M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K cùng chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 3.800.000 đồng (*ba triệu tám trăm nghìn đồng*) mà cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 43820 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K được hoàn lại số tiền chênh lệch là 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Án phí phúc thẩm: Cụ Phan Thị S, Bà Phạm Thị Bé H không phải chịu án phí phúc thẩm do là người cao tuổi; ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0007211, 0007212, 0007213, 0007214 ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang coi như nộp xong án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K chịu 8.152.328 đồng (*tám triệu một trăm năm mươi hai nghìn ba trăm hai mươi tám đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc, chi phí định giá, chi phí thu thập tài liệu chứng cứ và được trừ vào tạm ứng. Như vậy, cụ Phan Thị S, bà Phạm Thị Bé H, ông Phạm Chí T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thu T2, ông Phạm Ngọc K đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền